

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ2
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 114/2018/HSST

Ngày: 22-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ2, TỈNH SƠN LA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Ať; Ông Nguyễn Đức Việt.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huế - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ2, tỉnh Sơn La.

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ2, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ2, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 121/2018/HS-ST ngày 07.11.2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2018/HSST-QĐ ngày 12.11.2018 đối với các bị cáo sau:

1. Đinh Văn Đ. Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 06 tháng 6 năm 1976. Nguyên quán: huyện Thiệu Hóa, tỉnh T Hóa. Nơi Đăng ký HKTT và nơi ở: Tiểu khu 2, thị trấn Đ1, huyện Đ2, tỉnh Sơn La. Trình độ học vấn: 03/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh.

Con ông: Đinh Văn V (đã chết) và bà: Đỗ Thị P (đã chết).

Bị cáo có vợ là Đỗ Thị D, sinh năm 1979, bị cáo có 02 con, 18 tuổi và 15 tuổi. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09.8.2018 đến ngày 29.8.2018 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn B. Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 06 tháng 10 năm 1973. Nguyên quán: huyện B1, tỉnh T Hóa. Nơi cư trú: Khu 3, thị trấn B1, huyện B1, tỉnh T Hóa. Trình độ học vấn: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh.

Con ông: Nguyễn Văn Z, sinh năm 1956 và bà: Nguyễn Thị Z1, sinh năm 1957.

Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Z2, sinh năm 1978, bị cáo có 02 con, 21 tuổi và 04 tuổi. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09.8.2018 đến ngày 29.8.2018 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm Văn H. Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 15 tháng 02 năm 1982. Nguyên quán: huyện N, tỉnh Ninh B. Nơi cư trú: Thôn 5, xã N, huyện N, tỉnh Ninh B. Trình độ học vấn: 09/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh.

Con ông: Phạm Văn X, sinh năm 1951 và bà: Đinh Thị X1, sinh năm 1954.

Bị cáo có vợ là Vi Thị X2, sinh năm 1981, bị cáo có 03 con, con lớn nhất 12 tuổi và con nhỏ nhất 01 tuổi. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09.8.2018 đến ngày 29.8.2018 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

4. Cao Trọng T. Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 10 tháng 8 năm 1978. Nguyên quán: Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Nơi ĐKKHKT: Thôn 6, xã M, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Tiểu khu 2, thị trấn Đ1, huyện Đ2, tỉnh Sơn La. Trình độ học vấn: 04/12. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh.

Con ông: Cao Trọng L, sinh năm 1938 và bà: Dương Thị L1, đã chết.

Vợ Dương Thị L2, sinh năm 1977. Bị cáo có 02 con, 21 tuổi và 09 tuổi.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09.8.2018 đến ngày 29.8.2018 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn V. Tên gọi khác: Nguyễn V1; Sinh ngày 26 tháng 4 năm 1979. Nguyên quán: Huyện R, tỉnh T Hóa. Nơi Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Thôn 14, xã R, huyện R, tỉnh T Hóa. Đăng ký tạm trú: Tiểu khu 8, xã R1, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Trình độ học vấn: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh.

Con ông: Nguyễn Văn Q, sinh năm 1950 và bà: Nguyễn Thị Q1, đã chết.

Vợ là Nguyễn Thị P, sinh năm 1983. Bị cáo có 03 con, con lớn nhất 15 tuổi, con nhỏ nhất 8 tuổi.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09.8.2018 đến ngày 29.8.2018 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

6. Khương Bá H. Tên gọi khác: Khương Bá H1; Sinh ngày 25 tháng 2 năm 1975. Nguyên quán: Huyện B1, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Khu 1, thị trấn B1, huyện B1, tỉnh Thanh Hóa. Trình độ học vấn: Không. Nghề nghiệp: Ngư dân. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh.

Con ông: Khương Bá H, sinh năm 1950 và bà: Nguyễn Thị H1, sinh năm 1955.

Vợ là Nguyễn Thị H2, sinh năm 1981. Bị cáo có 02 con, 20 tuổi và 11 tuổi.
Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị P, sinh năm 1983. Trú quán tại tiểu khu 8, xã R1, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 09.8.2018 Đinh Văn Đ, Nguyễn Văn B, Phạm Văn H, Cao Trọng T, Nguyễn V, Khương Bá H đến dự đám cưới của con anh Nguyễn Văn Thành, trú tại tiểu khu 2, thị trấn Đ1, huyện Đ2, tỉnh Sơn La. Khoảng 14 giờ sau khi ăn cơm uống rượu xong, Đ, T, Anh đi ra bàn được kê tại sân nhà Bùi Đình Đông ở cạnh đó để uống nước thì Đ nhìn thấy 01 bộ tú lơ khơ để trên bàn. Đ nảy sinh ý định đánh bạc nên rủ T, Anh đánh bạc bằng hình thức chơi sâm được thua bằng tiền, T và Anh đồng ý. Đ cầm bộ tú lơ khơ chia bài và qui định luật chơi 5.000VNĐ/1 lá bài, chấy là 80.000VNĐ, báo sâm là 100.000VNĐ, bắt sâm là 400.000VNĐ. Khoảng 14 giờ 10 phút cùng ngày sau khi ăn cơm uống rượu xong Khương Bá H đi sang bàn uống nước và tham gia đánh bạc cùng. Các bị cáo đã thống nhất chuyển sang chơi Liêng và qui định chơi góp tiền (gà) mỗi ván 10.000VNĐ, ai nhất thì lấy số tiền đã góp. Khoảng 5 phút sau thì Phạm Văn H, Nguyễn Văn B vào tham gia đánh bạc cùng. Đến 14 giờ 30 phút cùng ngày thì Tổ công tác Công an huyện Đ2 phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, lợi dụng sơ hở Khương Bá H đã bỏ chạy. Tổ công tác lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với các bị cáo, thu giữ vật chứng gồm: 01 bộ tú lơ khơ 52 quân, 270.000VNĐ trên mặt bàn nơi các đối tượng ngồi đánh bạc; 1.850.000VNĐ trên tay trái của Nguyễn V; 24.000.000VNĐ trên người Nguyễn V; 1.640.000VNĐ tại túi quần trước bên phải của Cao trọng T đang mặc; 40.000VNĐ trên tay phải của Nguyễn Văn B; 01 ví giả da màu nâu bên trong có 1.945.000VNĐ tại túi quần bên phải Nguyễn Văn B đang mặc; 2.520.000VNĐ tại túi quần phía trước bên phải Đinh Văn Đ đang mặc; 230.000VNĐ trên tay phải của Phạm Văn H; 01 bàn inox loại bàn gấp kích thước 75 x 115 cm và 05 ghế inox mặt tròn kích thước 25cm x 40 cm.

Ngày 19.8.2018 Khương Bá H đến Công an huyện Đ2 đầu thú về hành vi đánh bạc cùng các bị cáo và giao nộp toàn bộ vật chứng là 300.000VNĐ.

Trước khi đánh bạc Đ có 2.500.000VNĐ sử dụng toàn bộ vào việc đánh bạc. Anh có 25.300.000VNĐ sử dụng 1.300.000VNĐ vào việc đánh bạc, T có 1.500.000VNĐ sử dụng toàn bộ vào việc đánh bạc. H có 300.000VNĐ, H có 1.200.000VNĐ, B có 1.995.000VNĐ đều sử dụng toàn bộ vào việc đánh bạc. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 8.790.000VNĐ.

Ngày 13.8.2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ2 tiến hành trưng cầu giám định đối với tổng số tiền thu giữ khi bắt quả tang đối với các bị cáo ngày 09.8.2018.

Ngày 20.8.2018 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La ra bản kết luận giám định số 365 kết luận: 52 tờ tiền mệnh giá 500.000VNĐ; 12 tờ tiền mệnh giá 200.000VNĐ; 21 tờ tiền mệnh giá 100.000 VNĐ; 27 tờ tiền mệnh giá 50.000 VNĐ; 18 tờ tiền mệnh giá 20.000 VNĐ; 27 tờ tiền mệnh giá 10.000VNĐ; 03 tờ tiền mệnh giá 5.000VNĐ có số mã hiệu như trong biên bản bóc mở niêm phong và giao, nhận đối tượng giám định do Công an huyện Đ2 lập ngày 12.8.2018 là tiền thật.

Tại bản cáo trạng số: 99/CT-VKSMS ngày 05/11/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ2 đã truy tố các bị cáo Đinh Văn Đ, Nguyễn Văn B, Phạm Văn H, Cao Trọng T, Nguyễn V, Khương Bá H về tội đánh bạc theo khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung đã khai tại Cơ quan điều tra, nội dung bản cáo trạng đã nêu đó là: Vào trưa ngày 09.8.2018 sau khi ăn cơm ở rạp đám cưới con anh Nguyễn Văn Thành ở tiểu khu 2, thị trấn Đ1, bị cáo Đ đã rủ Cao Trọng T, Nguyễn V đánh bạc bằng hình thức chơi sâm. Sau đó Khương Bá H, Phạm Văn H, Nguyễn Văn B cùng tham gia đánh bạc bằng hình thức chơi Liêng. Tổng số tiền các bị cáo đánh bạc là 8.795.000VNĐ, trong đó các bị cáo sử dụng đánh bạc như sau: Đ sử dụng để đánh bạc là 2.500.000VNĐ, Anh sử dụng 1.300.000VNĐ, T 1.500.000VNĐ, H sử dụng 300.000VNĐ, H sử dụng 1.200.000VNĐ và B sử dụng 1.995.000VNĐ. Khi các bị cáo đánh bạc đến 14 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Đ2 bắt quả tang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị P là vợ của bị cáo Nguyễn V trình bày về nguồn gốc số tiền 24.000.000VNĐ đã bị thu giữ khi bắt quả tang bị cáo Nguyễn V, chị P xác nhận đây là số tiền của gia đình chị đi vay để đi mua cá giống nên đề nghị Tòa án trả lại cho gia đình chị.

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ2 tham gia phiên tòa, sau khi trình bày lời luận tội đối với các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo phạm tội đánh bạc.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 36 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Đinh Văn Đ từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ;

Xử phạt bị Nguyễn Văn B từ 07 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H từ 07 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ;

Xử phạt bị cáo Cao Trọng T từ 07 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ;

Xử phạt bị cáo Nguyễn V (Nguyễn V1) từ 07 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ;

Các bị cáo được khấu trừ 20 ngày tạm giam bằng 60 ngày cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Khương Bá H (Khương Bà H1) từ 08 tháng đến 10 tháng cải tạo không giam giữ;

Giao các bị cáo cho UBND nơi các bị cáo cư trú quản lý, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Miễn việc khấu trừ thu nhập và hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ Luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu huỷ 01 phong bì niêm phong do Công an huyện Đ2 phát hành bên trong có 01 bộ tú lơ khơ 52 quân bài, 01 bàn inox, 05 ghế inox đều đã qua sử dụng cũ.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 8.795.000VNĐ các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc thu giữ khi bắt quả tang các bị cáo trích trong tổng số tiền 32.795.000VNĐ đã thu giữ.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị P 24.000.000VNĐ đã thu giữ khi bắt quả tang bị cáo Nguyễn V.

Về án phí: Áp dụng điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội: Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000VNĐ.

Căn cứ và các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] *Về tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ2, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân huyện Đ2, Kiểm sát viên, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tình tiết định tội, định khung hình phạt*: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Vào trưa ngày 09.8.2018 sau khi ăn cơm ở rạp đám cưới con anh Nguyễn Văn Thành ở tiểu khu 2, thị trấn Đ1, bị cáo Đinh Văn Đ thấy bộ tú lơ khơ ở gần bàn uống nước nên đã rủ Cao Trọng T, Nguyễn V đánh bạc bằng hình thức chơi sâm. Sau đó Khương Bá H, Phạm Văn H, Nguyễn Văn B đã cùng

tham gia đánh bạc bằng hình thức chơi Liêng. Tổng số tiền các bị cáo đánh bạc là 8.795.000VNĐ, trong đó các bị cáo sử dụng tiền đánh bạc như sau: Đ sử dụng để đánh bạc là 2.500.000VNĐ, Anh sử dụng 1.300.000VNĐ, T sử dụng 1.500.000VNĐ, H sử dụng 300.000VNĐ, H sử dụng 1.200.000VNĐ và B sử dụng 1.995.000VNĐ. Khi các bị cáo đánh bạc đến 14 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Tổ công tác Công an huyện Đ2 bắt quả tang. Lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và toàn bộ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết, chứng cứ mới.

Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận các bị cáo đã phạm tội đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ2 truy tố bị cáo tại Bản cáo trạng số: 99/CT-VKSMS ngày 05.11.2018 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai cho các bị cáo.

[3] *Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm:* Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm về hình sự, dân sự. Nhận thức được việc đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền là vi phạm pháp luật. Nhưng do thiếu rèn luyện, hám lời, các bị cáo đã phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo đã gây mất trật tự công cộng, ảnh hưởng đến sự ổn định về an ninh tại địa phương. Do đó khi lượng hình cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, thỏa đáng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện.

[4] *Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và vai trò của các bị cáo, xét thấy:* Đây là vụ án có đồng phạm nhưng là dạng giản đơn, trong đó bị cáo Đinh Văn Đ là người nảy sinh ra việc đánh bạc nên đã rủ bị cáo T, Anh thực hiện tội phạm, đồng thời quy định mức chơi, đã bỏ ra số tiền nhiều hơn các bị cáo để đánh bạc, nên bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án. Các bị cáo Cao Trọng T, Nguyễn V sau khi được Đ khởi xướng đã đồng tình ngay và thực hiện tích cực việc sát phạt nhau. Khi thấy các bị cáo Đ, T, Anh đánh bạc, các bị cáo Khương Bá H, Phạm Văn H, Nguyễn Văn B đã tham gia ngay và cùng thực hiện tích cực việc đánh bạc. Do đó các bị cáo là đồng phạm với nhau trong vụ án.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, đều là nhân dân lao động. Các bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi bị bắt cũng như quá trình điều tra các bị cáo đều thành khẩn khai báo. Đối với bị cáo Khương Bá H khi bắt quả tang do bị cáo sợ nên đã bỏ chôn nhưng sau đó đã đầu thú. Tại phiên tòa các bị cáo đều tỏ ra thành khẩn khai báo, rất ăn năn hối cải về việc đã làm. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Đinh Văn Đ có anh trai ruột là Liệt sỹ nên gia đình đang được hưởng chế độ chính sách của Nhà nước do đó cũng cần xem xét giảm nhẹ mức hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

Căn cứ vào tính chất mức độ và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo đều là nhân dân lao động, hoàn cảnh gia đình đều rất khó khăn và là lao động chính, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình và chính quyền địa phương có đơn xin bảo lãnh và giảm nhẹ hình phạt để được giáo dục tại gia đình, do đó không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, áp

dụng hình phạt cải tạo không giam giữ giao các bị cáo cho chính quyền địa phương cùng với gia đình để giám sát, giáo cũng đủ để các bị cáo cải tạo trở thành người có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[5] *Về hình phạt bổ sung và việc khấu trừ thu nhập*: Căn cứ biên bản xác minh của Cơ quan điều tra và tại phiên tòa xét thấy: Các bị cáo đều là nhân dân lao động, thu nhập thấp chỉ bằng nghề buôn bán tự do, không có tài sản có giá trị, con của các bị cáo đều còn nhỏ, các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình, toàn bộ thu nhập chỉ đủ phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình. Do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung và biện pháp khấu trừ một phần thu nhập của các bị cáo.

[6] *Về vật chứng, xử lý vật chứng*: Cơ quan điều tra đã thu giữ khi bắt quả tang và khám xét các bị cáo có thu giữ một số vật chứng. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ Luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử giải quyết như sau:

Tịch thu tiêu huỷ 01 phong bì niêm phong do Công an huyện Đ2 phát hành bên trong có 01 bộ tú lơ khơ 52 quân bài, 01 bàn inox, 05 ghế inox đều đã qua sử dụng cũ.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 8.795.000VNĐ các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc thu giữ khi bắt quả tang các bị cáo trích trong tổng số tiền 32.795.000VNĐ đã thu giữ.

Đối với số tiền 24.000.000VNĐ đã thu giữ khi bắt quả tang bị cáo Nguyễn V. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã chứng minh được nguồn gốc số tiền là của chị Nguyễn Thị P vợ bị cáo Anh vay về để đi mua cá giống, bị cáo Anh không có ý định sử dụng số tiền này vào việc đánh bạc. Do đó cần chấp nhận đề nghị của chị P về trả lại cho chị số tiền này.

[7] *Về án phí*: : Áp dụng điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội: Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000VNĐ.

[8] *Về các vấn đề khác*: Đối với Nguyễn Văn Thành, Bùi Đình Đông quá trình điều tra xác định Thành và Đông không biết các bị cáo đã đánh bạc vào ngày 09.8.2018. Do đó Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý đối với Thành, Đông là hoàn toàn phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đinh Văn Đ, Nguyễn Văn B, Phạm Văn H, Cao Trọng T, Nguyễn V (Nguyễn V1), Khương Bá H (Khương Bá H1) phạm tội Đánh bạc.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 36 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Đinh Văn Đ 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ 20 ngày tạm giam bằng 60 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải

tạo không giam giữ tính từ ngày UBND thị trấn Đ1, huyện Đ2 nhận được quyết định thi hành án của Tòa án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 36 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ 20 ngày tạm giam bằng 60 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND thị trấn B1, huyện B1, tỉnh T Hóa nhận được quyết định thi hành án của Tòa án.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ 20 ngày tạm giam bằng 60 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Sơn Thành, huyện N, tỉnh Ninh B nhận được quyết định thi hành án của Tòa án.

Xử phạt bị cáo Cao Trọng T 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ 20 ngày tạm giam bằng 60 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND thị trấn Đ1, huyện Đ2 nhận được quyết định thi hành án của Tòa án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn V (tức Nguyễn V1) 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ 20 ngày tạm giam bằng 60 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã R, huyện R nhận được quyết định thi hành án của Tòa án.

Xử phạt bị cáo Khương Bá H (tức Khương Bá H1) 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND thị trấn B1, huyện B1, tỉnh T Hóa nhận được quyết định thi hành án của Tòa án.

Giao bị cáo Đinh Văn Đ cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ1, huyện Đ2, tỉnh Sơn La; Giao bị cáo Nguyễn Văn B cho Ủy ban nhân dân thị trấn B1, huyện B1, tỉnh T Hóa; Giao bị cáo Phạm Văn H cho Ủy ban nhân dân xã Sơn Thành, huyện N, tỉnh Ninh B; Giao bị cáo Cao Trọng T cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ1, huyện Đ2, tỉnh Sơn La; Giao bị cáo Nguyễn V (tức Nguyễn V1) cho Ủy ban nhân dân xã R, huyện R, tỉnh T Hóa và giao bị cáo Khương Bà H (tức Khương Bá H1) cho Ủy ban nhân dân thị trấn B1, huyện B1, tỉnh T Hóa giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Miễn áp dụng biện pháp khấu trừ thu nhập và miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ Luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu huỷ 01 phong bì niêm phong do Công an huyện Đ2 phát hành bên trong có 01 bộ tú lơ khơ 52 quân bài, 01 bàn inox, 05 ghế inox đều đã qua sử dụng cũ.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 8.795.000VNĐ các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc thu giữ khi bắt quả tang các bị cáo trích trong tổng số tiền 32.795.000VNĐ đã thu giữ. (Trong đó có 2.500.000VNĐ thu giữ của Đinh Văn Đ, 1.300.000VNĐ thu giữ của Nguyễn V, 1.500.000VNĐ thu giữ của Cao Trọng T, 300.000VNĐ thu giữ của Khương Bá H, 1.200.000VNĐ của Phạm Văn H và 1.995.000VNĐ thu giữ của Nguyễn Văn B)

Trả lại cho chị Nguyễn Thị P 24.000.000VNĐ đã thu giữ khi bắt quả tang bị cáo Nguyễn V.

(Toàn bộ vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ2)

Về án phí: : Áp dụng điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội: Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000VNĐ.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- Viện KSND Đ2 ;
- Viện KSND tỉnh Sơn La ;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Đ2 ;
- Công an huyện Đ2 ;
- Chi cục THADS Đ2 ;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Văn Thịnh